

Số: /BC-UBND

Đắk Bla, ngày tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Triển khai thực hiện Công văn số 508/STP-HC&BTTP ngày 04/9/2025 của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi về việc phối hợp báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

UBND phường Đắk Bla báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THI HÀNH VÀ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VÀ CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Luật Hôn nhân và gia đình (HNGĐ) 2014 đã góp phần quan trọng trong việc bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Bảo đảm ổn định cuộc sống gia đình trong xã hội phát huy truyền thống phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam nâng cao vai trò trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong việc tôn trọng và chấp hành các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Luật HNGĐ 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật ra đời đã tạo hành lang pháp lý vững chắc để giải quyết các quan hệ phát sinh trong đời sống Hôn nhân và gia đình, phù hợp với Hiến pháp và các quy định pháp luật, công ước quốc tế về quyền con người. Để triển khai thi hành đồng bộ, có hiệu quả Luật Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 (sau đây gọi chung là Luật) trên địa bàn phường, theo nội dung Kế hoạch của cấp trên.

UBND phường luôn quan tâm, chủ động cập nhật các văn bản liên quan, các nội dung sửa đổi bổ sung, góp phần hoàn thiện kiến thức phục vụ có hiệu quả công tác tuyên truyền sâu rộng đến người dân tại địa phương.

II. ĐÁNH GIÁ SỰ TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC CỦA LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có tác động tích cực đến việc đề cao vai trò của gia đình trong đời sống xã hội, giữ gìn và phát huy truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Luật đã góp phần xây dựng, hoàn thiện và bảo vệ chế độ hôn nhân gia đình tiến bộ, xây dựng chuẩn mực phù hợp với đạo đức xã hội, là nền tảng cho cách ứng xử, xử sự của các thành viên

trong gia đình, kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức tốt đẹp của gia đình Việt Nam nhằm xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

III. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

1. Đánh giá bất cập, hạn chế trong quy định của Luật hôn nhân và gia đình

1.1. Áp dụng tập quán trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình và cơ chế pháp lý về công nhận, xác định, áp dụng có liên quan

Nhà nước đã quy định cụ thể về việc áp dụng tập quán trong hôn nhân gia đình cũng như những phong tục, tập quán bị cấm áp dụng và cần phải được xóa bỏ, tại Khoản 4 Điều 3 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Tập quán về hôn nhân và gia đình là quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng về quyền, nghĩa vụ của các bên trong quan hệ hôn nhân và gia đình, được lặp đi, lặp lại trong một thời gian dài và được thừa nhận rộng rãi trong một vùng, miền hoặc cộng đồng*”. Tuy nhiên, Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 chưa quy định rõ các tập quán lạc hậu nào và tập quán tốt đẹp (điều 7) và tập quán nào cần bị cấm áp dụng hoặc bị xóa bỏ hay trước khi xóa bỏ thì cần có những giải pháp vận động thuyết phục như thế nào. Chưa đề cập rõ vấn đề về chế độ tài sản của vợ chồng, nguyên tắc hôn nhân tự nguyện (điều 2), tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tự nguyện trong giải quyết các mâu thuẫn giữa vợ chồng. Khi có mâu thuẫn trong hôn nhân, có cần phải đưa ra giải pháp ly thân để giảm sự căng thẳng, xung đột gay gắt giữa vợ và chồng, để các bên có thời gian suy ngẫm, đánh giá về tình cảm của vợ chồng, trách nhiệm với con cái và có thể sửa đổi tính tình để vợ chồng đoàn tụ, tiếp tục chung sống.

1.2. Hôn nhân thực tế và các hệ lụy pháp lý

Theo tập quán hoặc do thiếu hiểu biết pháp luật, nhiều cặp đôi chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Luật không công nhận những quan hệ này là vợ chồng, nhưng vẫn có quy định bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ và con cái, dựa trên nguyên tắc “hôn nhân thực tế”.

1.3. Chênh lệch về quan điểm, lối sống, ảnh hưởng của yếu tố kinh tế và xã hội

Tỷ lệ ly hôn ngày càng tăng, đặc biệt ở các cặp vợ chồng trẻ. Nguyên nhân phổ biến là do bất đồng quan điểm, lối sống, áp lực kinh tế, thiếu sự chia sẻ, hoặc vấn đề ngoại tình. Bên cạnh việc xử lý các vấn đề phát sinh, Luật cần có những quy định mang tính phòng ngừa, giáo dục, và hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững, phù hợp với sự phát triển của xã hội.

1.4. Đại diện giữa vợ chồng, giữa cha mẹ và con và giữa các thành viên khác của gia đình

Do điều kiện kinh tế ngày càng ổn định và phát triển việc vợ chồng càng có nhiều điều kiện để thể hiện việc quan tâm, chăm sóc đến nhau cũng như đến những thành viên khác trong gia đình. Vợ chồng có thể tham gia giao dịch qua mua bán, trao đổi dịch vụ, tặng cho tài sản... để thực hiện quyền và nghĩa vụ chăm sóc nhau và chăm sóc gia đình nói chung. Các quy định của pháp luật trong Luật Hôn nhân và gia đình về đại diện giữa vợ chồng, giữa cha mẹ và con và giữa các thành viên khác của gia đình góp phần xây dựng chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử giữa vợ với chồng, vợ chồng với các thành viên khác trong gia đình một cách cụ thể.

1.5. Việc lựa chọn áp dụng chế độ tài sản của vợ chồng; quyền sở hữu giữa vợ và chồng theo quy định của luật; việc đưa tài sản của vợ, chồng vào kinh doanh

Điều 34 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *Trong trường hợp tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, thì giấy chứng nhận quyền sở hữu, giấy chứng nhận quyền sử dụng phải ghi tên cả hai vợ chồng, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác.* Trong khi đó, Khoản 4, Điều 135 Luật Đất đai năm 2024 quy định về nguyên tắc cấp Giấy chứng nhận: *Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tài sản chung của vợ và chồng thì phải ghi tên cả hai vợ chồng vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, trừ trường hợp vợ và chồng có thỏa thuận ghi tên một người...; chẳng hạn như: Xe là tài sản chung của vợ, chồng thì chủ xe tự nguyện khai là tài sản chung của vợ chồng, phải ghi đầy đủ họ tên, chữ ký của vợ, chồng trong giấy đăng ký xe.*

Như vậy, đối với những tài sản có giá trị lớn, pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng, thì giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng, trong đó tài sản chung của vợ chồng sẽ được thể hiện cả tên vợ và chồng trên những giấy chứng nhận sở hữu, sử dụng và khi thực hiện các quyền đối với những tài sản chung này thì phải có sự đồng ý của cả hai vợ chồng.

Đối với tài sản riêng của vợ, chồng. Điều 43 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn, tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân, tài sản được chia riêng cho vợ, chồng do vợ, chồng thỏa thuận chia một phần hoặc toàn bộ tài sản chung, tài sản phục vụ nhu cầu thiết yếu của vợ, chồng và tài sản khác mà theo quy định của pháp luật thuộc sở hữu riêng của vợ, chồng.*

Chế độ tài sản chung riêng được quy định khá rõ trong luật, nhưng luật hôn nhân và gia đình năm 2014 còn đề cao tính lựa chọn của vợ chồng trong vấn đề tài sản được quy định tại Điều 47. *Thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng: “Trong trường hợp hai bên kết hôn lựa chọn chế độ tài sản theo thỏa*

thuận thì thỏa thuận này phải được lập trước khi kết hôn, bằng hình thức văn bản có công chứng hoặc chứng thực. Chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận được xác lập kể từ ngày đăng ký kết hôn”. Đây có thể là quy định ít được nhắc đến nhưng là quy định thể hiện được tính cá nhân của cả vợ và chồng trong quan hệ pháp luật về hôn nhân và gia đình đáng lưu tâm.

1.6. Quyền, nghĩa vụ về nhân thân giữa vợ và chồng

Quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình chủ yếu là các quan hệ nhân thân mang tính chất lâu dài, bền vững được nhà nước quy định cụ thể, chặt chẽ và phù hợp trong Luật hôn nhân và gia đình 2014.

1.7. Căn cứ ly hôn và đường lối giải quyết ly hôn

Ly hôn và đường lối giải quyết ly hôn là bước đi cuối cùng của những cuộc hôn nhân bế tắc. Các thủ tục này được thực hiện bởi cơ quan tòa án và có quy định tại các quy định về tố tụng.

1.8. Quyền về nhân thân và quyền về tài sản của vợ chồng khi ly hôn

Quan hệ nhân thân là một trong các đối tượng điều chỉnh chủ yếu của pháp luật dân sự cũng như trong Luật hôn nhân và gia đình. Vì đây, là loại quan hệ mang tính xã hội sâu sắc, rộng lớn, phản ánh sự phát triển và tiến bộ của xã hội. Một quan hệ pháp luật dân sự nói chung gồm ba yếu tố: chủ thể, khách thể và nội dung. Trong đó nội dung là yếu tố cơ bản nhất để phân loại quan hệ đó là quan hệ nhân thân hay tài sản. Nội dung của quan hệ pháp luật gồm các quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia quan hệ đó và các quyền về nghĩa vụ nhân thân thể hiện tính dân chủ, bình đẳng giữa vợ, chồng có nghĩa vụ yêu thương quan tâm chăm sóc, chung thủy ...và nghĩa vụ sống chung với nhau. Điều này thể hiện trước hết bởi những chuẩn mực đạo đức việc không thực hiện những chuẩn mực này thì sẽ bị xã hội lên án. Những chuẩn mực, quy tắc đạo đức đó được nâng lên thành luật thì mọi người đều có nghĩa vụ tuân thủ vi phạm thì sẽ bị xử lý kỉ luật. Như vậy, Pháp luật hôn nhân gia đình năm 2014 đã quy định vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau (*trừ một số trường hợp*) nếu có một bên vi phạm thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trên thực tế việc xử lý về vi phạm nghĩa vụ vợ chồng rất ít vì chưa có văn bản hướng dẫn thi hành nên dẫn đến khó khăn trong việc thực thi pháp luật.

1.9. Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con khi ly hôn

Sau khi ly hôn, vợ, chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, nếu không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi (căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của

con), nếu con từ đủ bảy tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Con dưới ba tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, nếu như các bên không có thỏa thuận khác.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con và phải tính đến nguyện vọng của con, nếu con từ đủ chín tuổi trở lên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con và không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha mẹ có nghĩa vụ bảo vệ và chăm sóc con cái khi con chưa thành niên, chưa có tự khả năng lao động, và ngay cả khi đã thành niên nhưng bị tàn tật... đó là những gì mà không chỉ pháp luật quy định mà cả đạo đức con người cũng không cho phép lương tâm cha mẹ không thực hiện nghĩa vụ đó. Tuy nhiên, chỉ nuôi dưỡng, che chở con cái thôi, chưa đủ vì vậy pháp luật cần phải có những ràng buộc để người cha hay mẹ sau khi ly hôn vẫn là người cha người mẹ gương mẫu cho con noi theo và trách nhiệm cấp dưỡng cũng như nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đặt lên hàng đầu.

1.10. Vấn đề mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28/01/2015 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo chính thức có hiệu lực đã được các cặp vợ chồng hiếm muộn rất quan tâm. Tuy nhiên, để đi vào cuộc sống cần thực tế thì cần có những điều chỉnh hợp lý hơn vì nếu chỉ cho đối tượng mang thai hộ là người trong phạm vi gia đình thì sẽ có rất nhiều người thiệt thòi, như những người không có chị em nào để nhờ mang thai hộ hoặc nếu có mà chị em đó không muốn mang thai hộ.

2. Đánh giá về sự đồng bộ, thống nhất giữa quy định của Luật hôn nhân và gia đình với quy định của pháp luật có liên quan

Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 là bước tiến trong việc điều chỉnh mối quan hệ hôn nhân gia đình trong đời sống. Tiếp thu và kế thừa từ các luật trước, đồng thời có sự đồng bộ, thống nhất với các luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam đã tạo hành lang pháp lý vững chắc, là tiền đề cho gia đình phát triển và xã hội ngày càng giàu mạnh, văn minh.

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật

a) Quy định về tài sản chung còn nhiều vướng mắc

Khó khăn trong việc xác định nguồn gốc tài sản: Việc chứng minh tài sản nào là riêng, tài sản nào là chung, hoặc tài sản nào có nguồn gốc từ tài sản riêng nhưng đã nhập vào khối tài sản chung, thường rất khó khăn và đòi hỏi bằng chứng cụ thể.

Khó khăn trong việc thỏa thuận tài sản: Mặc dù được khuyến khích, nhưng không phải cặp vợ chồng nào cũng chủ động lập thỏa thuận chế độ tài sản, hoặc thỏa thuận đó có thể không lường hết các tình huống phát sinh trong tương lai.

Khó khăn trong việc xử lý tài sản chung khi thi hành án: Trường hợp một bên là người phải thi hành án, việc kê biên, xử lý tài sản chung với người khác (bao gồm cả vợ, chồng còn lại) còn nhiều bất cập. Nghị định 62/2015/NĐ-CP 7 hướng dẫn việc chấp hành viên xác định phần sở hữu của vợ chồng theo pháp luật hôn nhân và gia đình, nhưng điều này lại mâu thuẫn với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật là tài sản chung chỉ có thể phân chia theo thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án. Điều này cho thấy sự không đồng bộ giữa các văn bản pháp luật.

b) Quy định chưa chặt chẽ trong việc xác định cha, mẹ, con

Luật đã đề cập đến việc xác định cha, mẹ, con, bao gồm cả trường hợp có tranh chấp, trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, mang thai hộ. Tuy nhiên, các quy định về thủ tục, chứng cứ (đặc biệt là việc giám định ADN khi người liên quan đã mất) còn chung chung, thiếu chi tiết, dẫn đến việc thu thập mẫu, chứng minh quan hệ huyết thống khi người yêu cầu hoặc người liên quan đã qua đời là rất khó khăn. Các quy định về việc ai có quyền yêu cầu giám định, hoặc cách thức xử lý khi một bên từ chối giám định, cũng chưa được làm rõ.

c) Quy định về bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, trẻ em và người yếu thế còn hạn chế

Dù Luật đã có những tiến bộ, nhưng trên thực tế việc bảo vệ còn nhiều hạn chế. Các quy định về bạo lực gia đình, trách nhiệm cấp dưỡng, quyền nuôi con, quyền thăm nom con, hay việc cha, mẹ, người thân yêu cầu ly hôn khi nạn nhân bị bạo lực hoặc mất năng lực hành vi, còn gặp khó khăn trong khâu chứng minh và thực thi, cụ thể: Việc chứng minh hành vi bạo lực, đặc biệt là bạo lực tinh thần, để đủ điều kiện cho cha mẹ, người thân yêu cầu ly hôn là rất khó. Việc chậm trễ hoặc không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi con vẫn chưa được giải quyết dứt điểm. Việc đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho trẻ em khi cha mẹ ly hôn, quyền được biết nguồn gốc của mình, vẫn còn nhiều thách thức.

d) Sự chồng chéo, mâu thuẫn với các văn bản pháp luật khác

Luật còn tồn tại một số mâu thuẫn, chồng chéo với Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Thi hành án Dân sự và các văn bản liên quan gây khó khăn cho việc áp dụng thống nhất, tạo kẽ hở pháp lý, khiến người dân và cả cơ quan chức năng lúng túng khi giải quyết các vụ việc.

2. Nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc

a) Hạn chế trong tư duy lập pháp và quy định chưa theo kịp thực tiễn

Chưa bao quát hết các tình huống: Luật được xây dựng dựa trên các quan sát chung về đời sống xã hội, nhưng chưa dự liệu hết các tình huống phát sinh phức tạp, đặc biệt là trong bối cảnh xã hội biến đổi nhanh chóng (như các vấn đề liên quan đến công nghệ sinh sản, hôn nhân đồng giới ở nhiều quốc gia, biến đổi quan niệm về gia đình). 8 Quy định chung chung, định tính: Nhiều quy định còn mang tính nguyên tắc, định tính ("ảnh hưởng nghiêm trọng", "không thể nhận thức, làm chủ hành vi"), thiếu các tiêu chí định lượng, cụ thể để dễ dàng áp dụng và chứng minh.

b) Năng lực, trình độ của người thi hành pháp luật còn hạn chế

Đội ngũ cán bộ làm công tác pháp luật, Hộ tịch... cần có kiến thức chuyên sâu về cả về Luật và Luật tố tụng, cũng như kỹ năng xử lý các tình huống thực tế phức tạp. Tuy nhiên, khối lượng công việc của công chức tư pháp phụ trách tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp xã chưa có nghiệp vụ chuyên sâu, phải kiêm nhiệm quá nhiều lĩnh vực chuyên môn dẫn đến việc cập nhật kiến thức chưa kịp thời, kinh nghiệm dẫn đến hiểu sai quy định, hoặc áp dụng một cách cứng nhắc, không linh hoạt khi xử lý các vụ việc.

c) Hạn chế về nguồn lực (tài chính, con người, cơ sở vật chất)

Việc thực thi các quy định của Luật đòi hỏi nguồn lực đáng kể, từ việc tổ chức các buổi tuyên truyền, tư vấn pháp luật, đến việc trang bị các thiết bị, hỗ trợ kinh phí cho các vụ án phức tạp,... Tuy nhiên, nguồn lực này còn hạn chế, đặc biệt là ở cấp xã; việc thiếu nguồn lực ảnh hưởng đến khả năng giải quyết các vụ việc một cách nhanh chóng, chính xác và bảo vệ đầy đủ quyền lợi cho người dân.

d) Nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật của một bộ phận người dân còn hạn chế

Một số người dân còn có nhận thức hạn chế, nhất là về pháp luật hôn nhân và gia đình, hoặc có xu hướng giải quyết mâu thuẫn theo cách truyền thống, dựa vào tập quán thay vì dựa vào quy định pháp luật. Ý thức tuân thủ pháp luật, đặc biệt là các nghĩa vụ tài chính (*cấp dưỡng*), hoặc tham gia vào các thủ tục pháp lý, còn yếu tạo ra những khó khăn trong việc áp dụng pháp luật.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH, PHÁP LUẬT KHÁC CÓ LIÊN QUAN;

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC; ĐỒNG BỘ, THỐNG NHẤT, KHẢ THI TRONG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

- Tăng cường các hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật nhằm đưa Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan được đi sâu vào thực tiễn cuộc sống.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức, đủ về số lượng, đảm bảo về tiêu chuẩn nghiệp vụ; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao trình độ cho đội ngũ hòa giải viên, tuyên truyền viên pháp luật, đảm bảo kiến thức khi tham gia các vụ việc hòa giải tại địa phương.

Trên đây là báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 của Ủy ban nhân dân phường Đắk Bla./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh (báo cáo);
- TT Đảng ủy phường;
- TT HĐND; BTT UBMT MTTQ VN phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- CVP, PCVP HĐND-UBND phường;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND phường;
- Lưu: VT-UB(Hùng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Văn Trí